

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM HOÀNG NGÂN HÀ NỘI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIM HOÀNG NGÂN HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KIM HOANG NGAN HA NOI JSC

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 5600325150

**3. Ngày thành lập:** 21/03/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 161, Tổ dân phố 30, Phường Mường Thanh, TP Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam

Điện thoại: 0215 3831668

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                              | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                 | 7710     |
| 2.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                         | 7730     |
| 3.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                      | 4101     |
| 4.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                | 4102     |
| 5.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                           | 4212     |
| 6.  | Xây dựng công trình điện                                                                               | 4221     |
| 7.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                    | 4222     |
| 8.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                     | 4223     |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                                               | 4291     |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                        | 4292     |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                  | 4293     |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                             | 4299     |
| 13. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                       | 5610     |
| 14. | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp                                                 | 0210     |
| 15. | Khai thác gỗ                                                                                           | 0220     |
| 16. | Khai thác lâm sản khác trừ gỗ                                                                          | 0231     |
| 17. | Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ                                                                           | 0232     |
| 18. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                    | 4651     |
| 19. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh | 4741     |
| 20. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                              | 4742     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 21. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu | 4659        |
| 22. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                             | 4759        |
| 23. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                                             | 4649        |
| 24. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 0810        |
| 25. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                            | 4752        |
| 26. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4633        |
| 27. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5510        |
| 28. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn xi măng;<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4663        |
| 29. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4661(Chính) |
| 30. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4730        |
| 31. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4772        |
| 32. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                        | 4773        |
| 33. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4931        |
| 34. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4933        |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.000.000**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức       | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN CẨM QUYÊN | Số nhà 90, Khối Trường Xuân, Thị trấn Tuần Giáo, Huyện Tuần Giáo, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 250.000    | 2.500.000.000         | 25,000    | 040365999                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                            | Tổng số           | 250.000    | 2.500.000.000         | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | CAO VIỆT HÙNG    | KHC 12, Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông | 250.000    | 2.500.000.000         | 25,000    | 135039817                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                            | Tổng số           | 250.000    | 2.500.000.000         | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | CHỦ THU VÂN      | Số nhà 272, Tổ dân phố 6, Phường Noong Bua, TP Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông | 250.000    | 2.500.000.000         | 25,000    | 040240990                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                            | Tổng số           | 250.000    | 2.500.000.000         | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | DƯƠNG THANH BÌNH | Số nhà 163, Tổ dân phố 21, Phường Tân Thanh, TP Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông | 250.000    | 2.500.000.000         | 25,000    | 040829724                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                            | Tổng số           | 250.000    | 2.500.000.000         | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: CHỦ THU VÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc*

Sinh ngày: 26/03/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 040240990

Ngày cấp: 19/05/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Điện Biên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 272, Tổ dân phố 6, Phường Noong Bua, TP Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 161, Tổ dân phố 30, Phường Mường Thanh, TP Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Điện Biên